

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Bản án số: 59/2020/DS-ST

Ngày: 24/11/2020

V/v tranh chấp Hụi.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh L1.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Ông Nguyễn Tấn H1.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 162/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “tranh chấp Hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp 3, xã BHD, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp 1, xã BHD, huyện M, tỉnh L.

2.2. Bà Trần Thị R, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 1, xã BHD, huyện M, tỉnh L.

*Bà T và bà R có mặt, ông H vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T:* Bà Lê Thị T yêu cầu bà Trần Thị R và ông Lê Văn H phải liên đới trả cho bà T số tiền hụi là 95.000.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần.

*Đề nghị của bà Trần Thị R:* Bà R xin trả số tiền gốc và xin trả dần đối với dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai, hai dây hụi còn lại đồng ý tiếp tục đóng hụi chết.

*Đề nghị của ông Lê Văn H:* Ông Lê Văn H vắng mặt, không có ý kiến.

*Các tài liệu, chứng cứ do bà Lê Thị T:* Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), các giấy hụi (bản chính), bản tự khai.

*Các tình tiết của vụ án:*

*Các tình tiết bà Lê Thị T và bà Trần Thị R trình bày thống nhất:* Bà T có làm chủ thảo các dây hụi, ông H và bà R có tham gia hụi như sau:

- **Dây hụi 1: hụi 20.000.000 đồng**, khai ngày 05/7/2017 âm lịch gồm có 11 phần, một năm khai 02 lần, ông H và bà R tham gia chơi 01 phần, đã hốt hụi với số tiền là 110.200.000 đồng. Dây hụi này ông H và bà R vi phạm 03 kỳ gồm 30/7/2019, 30/02/2020, 30/7/2020. Dây hụi này còn lại ba kỳ, bà T yêu cầu ông H và bà R trả số tiền hụi vi phạm ba kỳ là 60.000.000 đồng.

- **Dây hụi 2: Hụi 5.000.000 đồng**, khai vào ngày 15/10/2016 âm lịch, gồm có 12 phần, bốn tháng khai 1 lần (1 năm khai hụi 3 lần) ông H và bà R tham gia chơi 01 phần và đã hốt hụi với số tiền 24.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn ngày 15/6/2020 âm lịch, ông H và bà R vi phạm 03 kỳ gồm 15/10/2019, 15/02/2020, 15/6/2020.

- **Dây hụi 3: Hụi 10.000.000 đồng**, khai ngày 30/7/2017 âm lịch gồm có 12 phần, một năm khai 02 lần, ông H và bà R tham gia chơi 01 phần, đã hốt hụi với số tiền là 74.700.000 đồng. Dây hụi này ông H và bà R vi phạm 01 kỳ vào ngày 30/7/2020 âm lịch. Dây hụi này còn lại 05 kỳ, bà T yêu cầu ông H và bà R trả số tiền hụi vi phạm 01 kỳ là 10.000.000 đồng.

- **Dây hụi 4: Hụi 10.000.000 đồng**, khai ngày 20/7/2016 âm lịch gồm có 10 phần, một năm khai 02 lần, ông H và bà R tham gia chơi 01 phần, đã hốt hụi. Dây hụi này ông H và bà R vi phạm 01 kỳ vào 30/7/2020 âm lịch. Dây hụi này còn lại

01 kỳ, bà T yêu cầu ông H và bà R trả số tiền hui vi phạm 01 kỳ là 10.000.000 đồng.

Tổng cộng là 95.000.000 đồng.

Bà T và bà R xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà T và bà R đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

*Bà T và bà R trình bày không thống nhất:* Bà T yêu cầu trả ngay một lần; bà R xin trả số tiền gốc và xin trả dần đối với dây hui thứ nhất và dây hui thứ hai, còn hai dây hui còn lại đồng ý tiếp tục đóng hui chết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ pháp luật là “Hui” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Trần Thị R và ông Lê Văn H có địa chỉ tại xã BHD, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Lê Văn H:* Ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T:*

[3.1]. Bà Lê Thị T khởi kiện và cung cấp chứng cứ là các giấy hui và các biên nhận tiền hui; bà Trần Thị R thừa nhận lời trình bày và chứng cứ của bà T; ông Lê Văn H vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà T nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của bà T cung cấp và lời trình bày thừa nhận của bà R để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2]. Theo nội dung các biên nhận tiền hui và lời thừa nhận của bà R thì ông H bà R có tham gia bốn dây hui do bà T làm chủ, gồm:

- **Dây hụi thứ nhất: Hụi 20.000.000 đồng**, khui ngày 05/7/2017 âm lịch gồm có 11 phần, một năm khui 02 lần, ông H và bà R tham gia 01 phần, đã hốt hụi với số tiền là 110.200.000 đồng. Dây hụi này ông H và bà R vi phạm 03 kỳ gồm 30/7/2019, 30/02/2020, 30/7/2020, tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại ba kỳ.

- **Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng**, khui vào ngày 15/10/2016 âm lịch, gồm có 12 phần, bốn tháng khui 1 lần (1 năm khui hụi 3 lần) ông H và bà R tham gia chơi 01 phần và đã hốt hụi với số tiền 24.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn ngày 15/6/2020 âm lịch, ông H và bà R vi phạm 03 kỳ gồm 15/10/2019, 15/02/2020, 15/6/2020, tổng số tiền là 15.000.000 đồng.

- **Dây hụi thứ ba: Hụi 10.000.000 đồng**, khui ngày 30/7/2017 âm lịch gồm có 12 phần, một năm khui 02 lần, ông H và bà R tham gia chơi 01 phần, đã hốt hụi với số tiền là 74.700.000 đồng. Dây hụi này ông H và bà R vi phạm 01 kỳ vào 30/7/2020 âm lịch, tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại 05 kỳ.

- **Dây hụi thứ tư: Hụi 10.000.000 đồng**, khui ngày 20/7/2016 âm lịch gồm có 10 phần, một năm khui 02 lần, ông H và bà R tham gia chơi 01 phần, đã hốt hụi. Dây hụi này ông H và bà R vi phạm 01 kỳ vào 30/7/2020 âm lịch, tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại 01 kỳ.

Tổng cộng là 95.000.000 đồng.

[3.3]. Thời điểm bà R tham gia hụi, ông H và bà R là vợ chồng đang chung sống; bà R thừa nhận hốt hụi để phục vụ cho kinh tế, sinh hoạt gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà R và ông H, buộc bà R và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 95.000.000 đồng.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà T yêu cầu trả một lần; **bà R không đồng ý; ông H vắng mặt**, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị R và ông Lê Văn H phải liên đới chịu số tiền 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Lê Thị T không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hụi của bà Lê Thị T đối với bà Trần Thị R và ông Lê Văn H, buộc bà R và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Trần Thị R và ông Lê Văn H phải liên đới chịu số tiền 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Lê Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T số tiền 2.375.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000052 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi và trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Thanh L1**